TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2019/HNGĐ - ST
Ngày 14/3/2019
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN – TP. HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Bích Liên.**

Bà Đào Thị Đoan.

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng —** *Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa: **Ông Tạ Quốc Tuấn** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn – TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2019/TLST - HNGĐ ngày 10/01/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐST - HNGĐ ngày 13/02/2019 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn NT, xã HT, h. Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2- Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn N,** sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Thôn LĐ, xã BS, h. Sóc Sơn, TP. Hà Nội.

Có mặt chị T, vắng mặt anh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 17 tháng 12 năm 2018 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Văn N tìm hiểu rồi tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND. xã HT, h. Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang năm 2009. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu và sống chung cùng gia đình anh N tại LĐ, xã BS, h. Sóc Sơn, TP. Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 1 năm thì mâu thuẫn do anh N chơi bời cờ bạc, ngoại tình, không có trách nhiệm với vợ con, một mình chị phải lo toan kinh tế gia đình, anh N còn bắt chị đưa tiền để chơi bời nhiều lần, chị và gia đình đã khuyên nhủ anh N nhiều nhưng không có kết quả nên chị mang con về nhà bố mẹ đẻ sống. Đến năm 2015, anh N phạm tội phải đi tù 2 năm. Tháng 6/2017, chị làm đơn xin ly hôn nhưng anh N xin lỗi và hứa thay đổi, thương con nên chị rút đơn về đoàn tụ và sinh một con trai. Tuy nhiên, chỉ được vài tháng, anh N lại tiếp tục chơi bời, gái gú, bỏ mặc 3 mẹ con chị, thỉnh thoảng lại sang gây sự và cướp điện thoại của chị. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2018, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, chị xin được ly hôn anh N để ổn định nuôi con.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Nguyễn Thị Ng, sinh 16/8/2010; Nguyễn Đức Th, sinh 05/8/2013 và Nguyễn Anh Đ, sinh 23/8/2018. Ly hôn, chị xin nuôi cháu Ng và cháu Đ; để anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th và tự hai bên đảm nhiệm việc nuôi con.

Về tài sản, vay nợ, công sức, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Chị không không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn N: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và nhiều lần triệu tập hợp lệ anh N nhưng anh N không đến Tòa làm việc, vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh N.

Quá trình điều tra, Tòa án đã lấy lời khai của ông Nguyễn Văn B và bà Dương

Thị D là bố mẹ của anh N, ông bà cho biết: Năm 2009, anh N và chị T tìm hiểu rồi tự nguyên kết hôn. Sau khi cưới, chị T về sống cùng gia đình ông bà, vợ chồng sống với nhau được 3 năm thì mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, anh N chơi bời, không có trách nhiệm với gia đình vợ con, chị T tính tình trẻ con, cư xử không đúng mực với gia đình chồng, ông bà đã khuyên nhủ và hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, chị T mang con về nhà ngoại ở Bắc Giang sống. Sau đó anh N phạm tội phải đi tù 2 năm, chị T không quan tâm gì đến chồng. Tháng 6/2017, chị T làm đơn xin ly hôn nhưng lại rút đơn về, anh chị sống với nhau được 6 tháng thì lại mâu thuẫn, đánh chửi và không sống với nhau nữa. Nay chị T xin ly hôn, quan điểm của anh N và gia đình ông bà là đề nghị Tòa án cho anh chị ly hôn vì vợ chồng không còn tình cảm với nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Toàn bộ giấy tờ, văn bản của Tòa án ông bà nhận thay đã giao cho anh N nhưng do đi làm xa nên anh N không đến Tòa làm việc, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 3 con chung là Nguyễn Thị Ng, sinh 16/8/2010; Nguyễn Đức Th, sinh 05/8/2013 và Nguyễn Anh Đ, sinh 23/8/2018. Hiện tại cháu Th đang sống cùng gia đình ông bà, còn cháu Ng và Đức Anh đang sống cùng chị T. Ly hôn, anh N và ông bà đề nghị Tòa giữ nguyên như hiện tại để chị T nuôi cháu Ng và cháu Đ và anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th; tự hai bên đảm nhiệm việc nuôi con.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng anh chị không có gì và không đề nghị gì.

* Đại diện Viển kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng là chị T, anh N: Kể từ ngày nhận đơn, thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử:

- Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ng, sinh 16/8/2010 và Nguyễn Anh Đ, sinh 23/8/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Nguyễn Đức Th, sinh 05/8/2013 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tự hai bên đảm nhiệm việc nuôi con.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ và đất sản xuất nông nghiệp: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến Viện kiểm sát và đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Bị đơn là anh Nguyễn Văn N có nơi cư trú tại thôn LĐ, xã BS, h. Sóc Sơn, TP. Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn – TP. Hà Nội giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền.

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và nhiều lần triệu tập anh N nhưng anh N đều vắng mặt. Ngày 18/02/2019, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng Anh Đ vắng mặt không có lý do. Ngày 07/3/2019, Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh N.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND. xã HT, h. Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang ngày 01/12/2009. Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn N là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ cũng như xác minh tại địa phương thể hiện, chị T và anh N chung

sống hạnh phúc được khoảng 1 năm thì mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh N chơi bời, không có trách nhiệm với vợ con, không chăm lo kinh tế gia đình, còn phạm tội khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt, cuộc sống căng thẳng, không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2018, không ai quan tâm đến ai. Quá trình điều tra, anh N đã biết việc chị T xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn nhưng anh không đến Tòa án làm việc để bảo vệ cuộc hôn nhân của minh, trong khi chị T kiên quyết xin ly hôn chứng tỏ khả năng đoàn tụ của vợ chồng anh chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh N là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Anh chị có 3 con chung là Nguyễn Thị Ng, sinh 16/8/2010; Nguyễn Đức Th, sinh 05/8/2013 và Nguyễn Anh Đ, sinh 23/8/2018.

Xét thấy chị T, anh N đều có nghề nghiệp, có thu nhập và nơi cư trú ổn định đảm bảo cuộc sống của bản thân và nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, anh N không đến Tòa làm việc để thệ hiện quan điểm của mình về vấn đề con chung. Tuy nhiên trên thực tế, chị T, anh N và gia đình anh N đã thực hiện theo sự thỏa thuận của hai bên là cháu Ng và cháu Đ đang sống cùng chị T; cháu Th đang sống cùng anh N và ông bà nội; cháu Ng có nguyện vọng muốn được sống cùng mẹ. Vì vậy để đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định, có điều kiện để phát triển toàn diện về thể chất và tình thần, tránh những xáo trộn khi thay đổi môi trường sống, Hội đồng xét xử thấy nên giao cháu Ng và cháu Đ cho chị T; giao cháu Th cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và tự hai bên đảm nhiệm việc nuôi con là phù hợp.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ, công sức, đất nông nghiệp: Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà chị T không yêu cầu Toà án giải quyết, anh N cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ điều 143, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 143, 147, 227, 267, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 25, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ng, sinh 16/8/2010 và Nguyễn Anh Đ, sinh 23/8/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Đức Th, sinh 05/8/2013 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tự hai bên đảm nhiệm việc nuôi con.

Chị T, anh N được quyền thăm, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản anh, chị thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp và đất nông nghiệp: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn – BL số: 0001622 ngày 10/01/2019.

Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận
- Đương sự;
- VKSND. huyện Sóc Sơn;
- THA. huyện Sóc Sơn;
- UBND. xã HT, Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ THU HẰNG